

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-ST

Ngày 02/4/2021

V/v Tranh chấp

Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Ông Nguyễn Như Quang

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP và Phát triển T

Địa chỉ: 25 B Nguyễn Thị Minh K, phường B, quận 1, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo N – chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ (*theo Quyết định uỷ quyền số 1482/2020/QĐ-TGD của Tổng Giám đốc Ngân hàng T*).

Người được uỷ quyền lại: Bà Phạm Thị Đỗ Q – Chức vụ: Chuyên viên Ngân hàng TMCP và Phát triển T.

Địa chỉ: Ki ốt số 1,2,3,4 số 01 P, phường P, thành phố P, tỉnh G (*theo văn bản uỷ quyền ngày 08/10/2020*).

(có mặt).

- Bị đơn: Ông Đoàn Anh T và bà Lê Thị N.

Địa chỉ: Làng O, xã I, huyện Ia, tỉnh G.

(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Ngân hàng TMCP và Phát triển T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cho ông Đoàn Anh T và bà Lê Thị N vay tiền theo hợp đồng tín dụng số 0151/18/HĐTDHM-CN/170 ngày 13/3/2018 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 051/18/HĐTDHM-CN/170/KUNN02 ngày 14/3/2019 với số tiền 350.000.000đ, mục đích vay là bổ sung vốn trồng trọt, chăn nuôi; thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày bên vay được cấp tín dụng ngày 15/3/2019, lãi suất 11%/năm và lãi suất thay đổi 03 tháng một lần theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Ngân hàng cùng với bị đơn đã lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0209/17/HĐBĐ-170 ngày 10/3/2017 gồm quyền sử dụng thửa đất số 68, tờ bản đồ số 46, diện tích 9.594m² địa chỉ xã Ia Bă, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CG 659739 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 06/3/2017.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đoàn Anh T và bà Lê Thị N đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền lãi trong hạn và quá hạn là 10.251.533đ. Nay Ngân hàng yêu cầu ông T và bà N phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ tính đến ngày 02/4/2021 là 350.000.000đ tiền nợ gốc và 100.180.897đ lãi còn lại {(trong đó lãi trong hạn là 38.843.288đ – 10.248.585 (đã trả) = 28.594.703đ, lãi quá hạn là 71.589.142đ – 2.948đ (đã trả) = 71.586.194đ}, tổng cộng là 450.180.897đ và tiền lãi phát sinh cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nêu trên cho Ngân hàng thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Toà án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng để các bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do, cũng không có ý kiến trình bày gửi cho Toà án.

Phát biểu quan điểm, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 và khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 288, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 và Điều 168 Luật đất đai năm 2013; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng là 450.180.897đ và tiền lãi phát sinh cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Nếu bị đơn không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc đương sự phải chịu án phí và xử lý tiền chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngân hàng TMCP và Phát triển T khởi kiện ông Đoàn Anh T và bà Lê Thị N để đòi số nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng. Ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Do vậy đây là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Hợp đồng tín dụng số 0151/18/HĐTDHM-CN/170 ngày 13/3/2018 và đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 051/18/HĐTDHM-CN/170/KUNN02 ngày 14/3/2019 có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh các quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Khi đến hạn trả nợ ngày 14/3/2020 bị đơn không trả nợ gốc và trả đầy đủ tiền lãi cho Ngân hàng như đã thỏa thuận là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên ngày 12/10/2020 Ngân hàng khởi kiện buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc 350.000.000đ theo hợp đồng tín dụng nói trên là có căn cứ.

[3]. Về yêu cầu trả nợ lãi trong hợp đồng tín dụng: Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên trong hợp đồng tín dụng nêu trên (lãi trong hạn 11%/năm, lãi quá hạn = 150% lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng và lãi chậm trả lãi 10%/năm) là phù hợp với quy định của Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Luật Các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi trong đó có xác định rõ lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả, lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả và lãi trên nợ lãi quá hạn chưa trả tương ứng với thời hạn vay và trả nợ phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 02/4/2021, bị đơn còn nợ của nguyên đơn tiền lãi trong hạn và

quá hạn của hợp đồng tín dụng là 100.180.897đ như đại diện phía nguyên đơn trình bày là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật về lãi suất.

Như vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 350.000.000đ tiền nợ gốc, lãi trong hạn và quá hạn là 100.180.897đ, tổng cộng là 450.180.897đ.

[4]. Về việc xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0209/17/HĐBĐ-170 ngày 10/3/2017 thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 68, tờ bản đồ số 46, diện tích 9.594m² địa chỉ xã Ia, huyện I, tỉnh G có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Hợp đồng đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật về giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng.

Do đó, trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng nói trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản đã thế chấp (bao gồm cả quyền sử dụng đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất tại thời điểm xử lý) để thu hồi nợ.

4]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng đã tạm nộp tiền chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ. Số tiền trên đã chi đủ cho công việc thẩm định. Căn cứ vào điều 157 và 158 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn phải chịu chi phí là 5.000.000đ. Bị đơn phải hoàn trả cho Nguyên đơn 5.000.000đ chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ.

[5]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm là 20.000.000đ + (4% x 50.180.897đ) = 22.007.235đ.

Trả lại cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 và khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 288, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 167 và Điều 168 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần và Phát triển T.

2. Bà Lê Thị N và ông Đoàn Anh T phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần và Phát triển T 350.000.000đ tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn và quá hạn là 100.180.897đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là **450.180.897đ** (bốn trăm năm mươi triệu một trăm tám mươi nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/4/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

3. Trong trường hợp bà Lê Thị N và ông Đoàn Anh T không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần và Phát triển T có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia, tỉnh G xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 46, địa chỉ xã Ia, huyện I, tỉnh G, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CG 659739 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 06/3/2017.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị N và ông Đoàn Anh T phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần và Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh 5.000.000đ (năm triệu đồng).

4. Về án phí:

- Bà Lê Thị N và ông Đoàn Anh T phải chịu 22.007.235đ (hai mươi hai triệu không trăm lẻ bảy nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần và Phát triển T toàn bộ số tiền đã tạm nộp là 10.188.137đ (mười triệu một trăm tám mươi tám nghìn một trăm ba mươi bảy đồng) theo biên lai thu số 0011697 ngày 26/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Chí Công